

Đề cương

BÁO CÁO

THỰC TRẠNG ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC NGÀNH VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
GIAI ĐOẠN 2020 ĐẾN NAY VÀ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ
TRÍ THỨC CÁC TỈNH/THÀNH ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

I. THỰC TRẠNG ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC (ĐNTT) NGÀNH VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH (VHTTDL) CÁC TỈNH/THÀNH GIAI ĐOẠN 2020 ĐẾN NAY

1. Nhân lực và đội ngũ trí thức ngành ngành VHTTDL

a) Nhân lực ngành VHTTDL (cụ thể đối với từng lĩnh vực Văn hóa, nghệ thuật; Thể dục thể thao; Du lịch)

- Về số lượng

- Về chất lượng

+ Trình độ đào tạo (Phân theo trình độ đào tạo: Sơ cấp; trung cấp; cao đẳng; đại học; thạc sĩ; tiến sĩ; sau tiến sĩ)

+ Năng lực ngoại ngữ

+ Trình độ tin học

+ Kỹ năng khác

- Về cơ cấu

+ Giới tính (nam, nữ) và độ tuổi (<30 tuổi, 31-45 tuổi, 46-60 tuổi, >60 tuổi)

+ Lĩnh vực hoạt động (quản lý nhà nước; đơn vị sự nghiệp; doanh nghiệp...)

- Dân tộc

b) Đội ngũ trí thức ngành VHTTDL (cụ thể từng lĩnh vực Văn hóa, nghệ thuật; Thể dục thể thao; Du lịch)

- Về số lượng

- Về chất lượng
 - + Trình độ đào tạo (Phân theo trình độ đào tạo: đại học; thạc sĩ; tiến sĩ; sau tiến sĩ)
 - + Năng lực ngoại ngữ
 - + Trình độ tin học
 - + Kỹ năng khác
- Về cơ cấu
 - + Giới tính (nam, nữ) và độ tuổi (<30 tuổi, 31-45 tuổi, 46-60 tuổi, >60 tuổi)
 - + Lĩnh vực hoạt động (quản lý nhà nước; đơn vị sự nghiệp; doanh nghiệp...)
- Dân tộc

2. Chế độ chính sách và việc thực thi chính sách của Trung ương và địa phương đối với đội ngũ trí thức ngành VHTTDL giai đoạn 2020 đến nay

- a) Hệ thống các văn bản pháp luật, chính sách đối với ĐNTT nói chung và từng lĩnh vực (VHNT, TDTT, DL) nói riêng đã ban hành. Đánh giá ưu điểm, hạn chế, khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai các văn bản, chính sách nói trên.
- b) Đánh giá chính sách đào tạo, bồi dưỡng ĐNTT (trong nước, nước ngoài theo Kế hoạch và kết quả thực hiện)
- c) Đánh giá chính sách sử dụng/bố trí ĐNTT (Kế hoạch và kết quả thực hiện)

3. Cơ chế sử dụng, đãi ngộ đội ngũ trí thức ngành VHTTDL của Trung ương và địa phương giai đoạn 2020 đến nay

- a) Cơ chế đãi ngộ tài chính (lương, thưởng, điều kiện làm việc, điều kiện sinh hoạt...)
- b) Cơ chế đãi ngộ phi tài chính (Quy hoạch, bổ nhiệm, chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm, định mức lao động, chế độ việc làm, thăng hạng...)
- c) Môi trường làm việc: Điều kiện làm việc (văn phòng, cơ sở vật chất, máy móc trang thiết bị làm việc, ...); Tính cạnh tranh, phối hợp/hợp tác...

4. Đóng góp của đội ngũ trí thức ngành VHTTDL địa phương giai đoạn 2020 đến nay

- a) Đóng góp trong lĩnh vực xây dựng chính sách: báo cáo chính sách, soạn thảo luật/nghị định/thông tư/chiến lược...
- b) Đóng góp trong lĩnh vực giảng dạy: giáo trình, sách chuyên khảo, số lượng giảng viên đại học và sau đại học...
- c) Đóng góp trong lĩnh vực nghiên cứu: số lượng công trình nghiên cứu, sách, bài tạp chí, báo cáo khoa học, bằng phát minh, sáng chế; dàn dựng các chương trình, sáng tác các tác phẩm nghệ thuật...

5. Đánh giá đội ngũ trí thức ngành VHTTDL địa phương giai đoạn 2020 đến nay

a) Về ưu điểm

- Kết quả đạt được trong thực hiện các nghị quyết, văn bản pháp quy liên quan đến đội ngũ trí thức và xây dựng đội ngũ trí thức.
- Kết quả đạt được trong thực hiện các cơ chế hoàn thiện môi trường và điều kiện hoạt động cho đội ngũ trí thức.

b) Hạn chế

- Giáo dục tư tưởng, đạo đức và lối sống
- Chính sách đối với đội ngũ trí thức: Cơ chế trọng dụng, đãi ngộ, tôn vinh trí thức; chính sách đào tạo, bồi dưỡng trí thức; đóng góp của đội ngũ trí thức
- Sự phối hợp giữa các Bộ, ngành và địa phương về phát triển đội ngũ trí thức
- Những nội dung liên quan khác.

c) Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan
- Nguyên nhân chủ quan.

II. DỰ BÁO NHU CẦU VÀ MỤC TIÊU XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC NGÀNH VHTTDL ĐỊA PHƯƠNG ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

1. Dự báo nhu cầu

a) Về số lượng

b) Về chất lượng

- Trình độ đào tạo (Phân theo trình độ đào tạo: đại học; thạc sĩ; tiến sĩ; sau tiến sĩ)

- Năng lực ngoại ngữ

- Trình độ tin học

- Kỹ năng khác

b) Về cơ cấu

- Giới tính (nam, nữ) và độ tuổi (<30 tuổi, 31-45 tuổi, 46-60 tuổi, >60 tuổi)

- Lĩnh vực hoạt động (quản lý nhà nước; đơn vị sự nghiệp; khối doanh nghiệp...)

c) Dân tộc

d) Theo cơ cấu nhóm ưu tiên phù hợp với bối cảnh trong nước và quốc tế

e) Nhu cầu phát triển tự thân của đội ngũ trí thức hiện nay

2. Mục tiêu chung

3. Mục tiêu cụ thể

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC NGÀNH VHTTDL ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

1. Nhiệm vụ (Đề xuất cụ thể đối với từng lĩnh vực: Văn hoá, nghệ thuật; Thể dục thể thao; Du lịch)

2. Giải pháp (Đề xuất cụ thể đối với từng lĩnh vực: Văn hoá, nghệ thuật; Thể dục thể thao; Du lịch)

IV. DỰ KIẾN NHU CẦU KINH PHÍ PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC CỦA ĐỊA PHƯƠNG

1. Nguồn ngân sách Nhà nước cấp

2. Các nguồn tài trợ hợp pháp khác

V. ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ